TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25-02-2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Bá Quyền;

Ông Lê Quang Xẹt.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa***: Bà Bồ Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1967; địa chỉ: Số A khu phố B, phường C, thị xã Th, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị Kim C, sinh năm 1967; địa chỉ thường trú: Số A khu phố B, phường C, thị xã Th, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Tổ V, khu phố H, phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn ông Nguyễn Văn A trình bày:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn A và bà Võ Thị Kim C chung sống với nhau vào năm 1988, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) B, huyện (nay là thị xã) Th, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 15/1989 ngày 07-10-1989. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 6/2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm

sống, bà C không trung thực trong việc quản lý, chi tiêu tài sản của vợ chồng, ông A phát hiện thì bà C bỏ về nhà ba mẹ bà C sinh sống cho đến nay. Trong thời gian này, ông A đến nhà ba mẹ vợ hỏi thì bà C vẫn né tránh và không quay về nhà, vợ chồng đã sống ly thân từ khi bà C bỏ nhà đi. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông A nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Võ Thị Kim C.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông A và bà C có 02 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh năm 1989 và Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1992. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25-12-2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Võ Thị Kim C trình bày: Bà C thống nhất với lời trình bày của ông A về thời gian chung sống, kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn, bà C xác định cuộc sống hôn nhân với ông A không hạnh phúc nhưng bà An không đồng ý ly hôn vì vợ chồng đã lớn tuổi, nếu ly hôn thì không ai lo cho bà C và bà C không có quyền về tài sản. Về con chung, đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu ly hôn của ông A là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn A và bà Võ Thị Kim C chung sống với nhau vào năm 1988, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) B, huyện (nay là thị xã) Th, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 15/1989 ngày 07-10-1989, là hôn nhân hợp pháp. Ông A và bà C đều thừa nhận vợ chồng có những mâu thuẫn và hiện tại không còn sống chung, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà C cho rằng còn tình cảm, muốn vợ chồng đoàn tụ nên không

đồng ý ly hôn. Xét thấy, quá trình tố tụng tại Tòa án, Tòa án tiến hành hoà giải để các đương sự đoàn tụ, nhưng ông A kiên quyết không đoàn tụ, xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống cùng bà C, đồng thời bà C thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và không còn sống chung khoảng 02 năm nay, giữa ông A và ông Chi không có động thái để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Như vậy, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân của ông A và bà C đã không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc nên ông A khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà C là có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống ông A và bà C có 02 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh năm 1989 và Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1992. Xét thấy, các con chung đã trưởng thành và đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn A phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 92, Điều 147, Điều 246, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A đối với bà Võ Thị Kim C.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn A được ly hôn với bà Võ Thị Kim C.

1.2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn A phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024627 ngày 12-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- Chi cục THADS thị xã Thuận An (01);
- UBND phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, VT (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mộng Tuyết